

Danh sách các thuốc nước ngoài được cấp giấy phép lưu hành sản phẩm đợt 100

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
1	Alvesin 10E	Mỗi 250ml chứa: Glycin 3,0g; Arginin 2,875g; Acid glutamic 1,8g; Histidin 0,75g; Lysin HCl 2,14g; Methionin 1,1g; Threonin 1.05g; Tryptophan 0,4g; Tyrosin 0,1g; Natri acetat trihydrat 0,7145g; Natri hydroxid 0,09g; Magnesium clorid hexahydrat 0,127g; Dina	Dung dịch tiêm truyền	Chai 250ml	NSX	36 tháng	VN-21157-18	04/07/2018	A. Menarini Singapore Pte. Ltd	Singapore	Berlin Chemie (Menarini Group)	Germany
2	Alvesin 40	Mỗi 1000ml chứa: Glycin 7,0g; Arginin 4,55g; Acid glutamic 5,0g; Histidin 1,35g; Lysin HCl 2,5g tương đương Lysin 2,0g; Methionin 1,75g; Threonin 1,6g; Tryptophan 0,5g; Natri acetat trihydrat 3,4g; Kali clorid 1,86g; Magnesi clorid hexahydrat 0,51g; Natri	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	NSX	24 tháng	VN-21158-18	04/07/2018	A. Menarini Singapore Pte. Ltd	Singapore	Berlin Chemie (Menarini Group)	Germany
3	Duphaston	Dydrogesterone 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 20 viên	NSX	60 tháng	VN-21159-18	04/07/2018	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Singapore	Abbott Biologicals B.V.	The Netherlands
4	Klacid Forte	Clarithromycin 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 14 viên, hộp 2 vỉ x 7 viên	NSX	36 tháng	VN-21160-18	04/07/2018	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Singapore	Abbvie S.r.l	Italy

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
5	Klacid MR	Clarithromycin 500mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 1 vỉ x 5 viên, hộp 1 vỉ x 7 viên	NSX	36 tháng	VN-21161-18	04/07/2018	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Singapore	Abbvie S.r.l	Italy
6	LIPANTHYL NT 145mg (CSDG và XX: Recipharm Fontaine; ĐC: Rue des Pres Potets 21121, Fontaine les Dijon France)	Fenofibrat (dưới dạng fenofibrate nanoparticules) 145mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36 tháng	VN-21162-18	04/07/2018	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Singapore	Fournier Laboratories Ireland Limited	Ireland
7	Brufen	Mỗi 5ml hỗn dịch chứa: Ibuprofen 100mg	Hỗn dịch uống	Hộp 1 lọ x 60ml	NSX	24 tháng	VN-21163-18	04/07/2018	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Singapore	PT. Abbott Indonesia	Indonesia
8	Hidrasec 10mg Infants	Racecadotril 10mg/gói	Thuốc bột uống	Hộp 16 gói	NSX	24 tháng	VN-21164-18	04/07/2018	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Singapore	Sophartex	France
9	Hidrasec 30mg Children	Racecadotril 30mg/gói	Bột uống	Hộp 30 gói	NSX	24 tháng	VN-21165-18	04/07/2018	Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited	Singapore	Sophartex	France
10	B-Cane Heavy	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Bupivacain hydrochlorid 5mg	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 4ml	BP 2017	18 tháng	VN-21166-18	04/07/2018	Aculife Healthcare Private Limited	India	Aculife Healthcare Private Limited	India
11	Lorfact-D	Desloratadin 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21167-18	04/07/2018	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	India	Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd.	India
12	Plencoxib-100	Celecoxib 100mg	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21168-18	04/07/2018	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	India	Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd.	India
13	Plenmoxi	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydrochlorid) 5mg	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	USP 37	24 tháng	VN-21169-18	04/07/2018	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	India	Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd.	India
14	Welquine - 250	Levofloxacin 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21170-18	04/07/2018	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.	India	Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd.	India
15	Deferglob 500	Deferasirox 500mg	Viên nén phân tán	Hộp 4 vỉ x 7 viên	NSX	24 tháng	VN-21171-18	04/07/2018	Albios Lifesciences Private Limited	India	Globela Pharma Pvt. Ltd	India

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
16	Aprodox 100	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 100mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	USP 38	24 tháng	VN-21172-18	04/07/2018	Aryabrat International Pte., Ltd.	Cambodia	Zim Laboratories Limited	India
17	Aprodox 200	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 200mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	USP 38	24 tháng	VN-21173-18	04/07/2018	Aryabrat International Pte., Ltd.	Cambodia	Zim Laboratories Limited	India
18	Medicel 200	Celecoxib 200mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36 tháng	VN-21174-18	04/07/2018	Aryabrat International Pte., Ltd.	Cambodia	Zim Laboratories Limited	India
19	Fleet Enema	Mỗi 118ml chứa: Monobasic natri phosphat 19g; Dibasic natri phosphat 7g	Dung dịch thực trực tràng	Hộp 1 chai 133ml	NSX	36 tháng	VN-21175-18	04/07/2018	Asian Enterprises Inc.	USA	C.B Fleet Company Inc.	USA
20	Aurozapine 15	Mirtazapin 15mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	NSX	36 tháng	VN-21176-18	04/07/2018	Aurobindo Pharma Limited	India	Aurobindo Pharma Limited	India
21	Midazolam B. Braun 5mg/ml	Midazolam (dưới dạng midazolam HCl) 5mg/ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống 1ml	NSX	36 tháng	VN-21177-18	04/07/2018	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	Malaysia	B.Braun Melsungen AG	Germany
22	Dianeal low cacium (2.5mEq/l) peritoneal dialysis solution with 1.5% dextrose	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Calci Chloride 18,3mg; Dextrose hydrous 1,5g; Magie Chloride 5,08mg; Natri Chloride 538mg; Natri lactate 448mg	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Túi 2 lít, 5 lít	NSX	24 tháng	VN-21178-18	04/07/2018	Baxter Healthcare (Asia) Pte. Ltd.	Singapore	Baxter HealthCare (Asia) Pte. ltd, Singapore branch	Singapore
23	Dianeal low cacium (2.5mEq/l) peritoneal dialysis solution with 4.25% dextrose	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Calci Chloride 18,3mg; Dextrose hydrous 4,25g; Megie Chloride 5,08mg; Natri Chloride 538mg; Natri lactate 448mg	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Túi 2 lít, 5 lít	NSX	24 tháng	VN-21179-18	04/07/2018	Baxter Healthcare (Asia) Pte. Ltd.	Singapore	Baxter HealthCare (Asia) Pte. ltd, Singapore branch	Singapore

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
24	Dianeal Low Calcium (2,5mEq/l) Peritoneal Dialysis Solution with 2,5% Dextrose	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Calci Chloride 18,3mg; Dextrose hydrous 2,5g; Magie Chloride 5,08mg; Natri Chloride 538mg; Natri lactat 448mg	Dung dịch thẩm phân phúc mạc	Túi 2 lít, 5 lít	NSX	24 tháng	VN-21180-18	04/07/2018	Baxter Healthcare (Asia) Pte. Ltd.	Singapore	Baxter HealthCare (Asia) Pte. Ltd, Singapore branch	Singapore
25	Yaz (Đóng gói và xuất xưởng: Bayer Pharma AG- Đ/c: Mullerstrasse 178, 13353 Berlin, Germany)	Mỗi viên chứa: Drospirenone 3,0mg; Ethinylestradiol 0,02mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ 24 viên màu hồng chứa hormon và 04 viên màu trắng không chứa hormon	NSX	36 tháng	VN-21181-18	04/07/2018	Bayer (South East Asia) Pte, Ltd.	Singapore	Bayer Weimar GmbH & Co. KG	Germany
26	Clarityne	Mỗi 1 ml chứa: loratadin 1mg	Si rô	Hộp 1 lọ 60ml	NSX	24 tháng	VN-21182-18	04/07/2018	Bayer (South East Asia) Pte., Ltd.	Singapore	PT. Merck Sharp Dohme Pharma Tbk	Indonesia
27	Taxefon	Cefotaxim (dưới dạng cefotaxim natri) 1g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ bột + 1 ống nước cất pha tiêm 5ml	USP38	24 tháng	VN-21183-18	04/07/2018	Bharat Parenterals Ltd.	India	Bharat Parenterals Ltd.	India
28	Lysopadol	Ambroxol hydrochloride 20mg	Viên ngậm	Hộp 2 vỉ x6 viên	NSX	36 tháng	VN-21184-18	04/07/2018	Boehringer Ingelheim International GmbH	Germany	Delpharm Reims	France
29	Vesanoid (Cơ sở đóng gói sơ cấp: Cenexi- Đ/c: 52 Rue Marcel et Jacques Gaucher, 94120 Fontenay-sous-bois, France; Đóng gói thứ cấp & xuất xưởng: Cheplapharm Azneimitten GmbH- Đ/c: Gammelbacher Str. 2,	Tretinoin 10mg	Viên nang mềm	Chai 100 viên	NSX	36 tháng	VN-21185-18	04/07/2018	Cheplapharm Azneimittel GmbH	Germany	Catalent Germany Eberbach GmbH	Germany

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
30	9:00 PM	Latanoprost 0,005%	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 2,5ml	NSX	24 tháng	VN-21186-18	04/07/2018	Cipla Ltd.	India	Cipla Ltd	India
31	Pregabalin capsule 150mg	Pregabalin 150mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21187-18	04/07/2018	Cipla Ltd.	India	M/s Cipla Ltd	India
32	Pisa	Piperacillin 4g; Tazobactam 0,5g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	USP 39	24 tháng	VN-21188-18	04/07/2018	Công ty Cổ phần Dược Đại Nam	Việt Nam	Venus Remedies Limited	India
33	Montelair 10	Monetlukast (dưới dạng Montelukast natri) 10mg	viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36 tháng	VN-21189-18	04/07/2018	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Hovid Berhad	Malaysia
34	Ultrox 10mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	NSX	36 tháng	VN-21190-18	04/07/2018	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Kỳ	Việt Nam	Nobelfarma Ilac Sanayii Ve Ticaret A.S	Turkey
35	Ultrox 5mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	NSX	36 tháng	VN-21191-18	04/07/2018	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Kỳ	Việt Nam	Nobelfarma Ilac Sanayii Ve Ticaret A.S	Turkey
36	Chomisin	Alpha chymotrypsin 5000IU	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 5 lọ bột + 1 ống dung môi 5ml	CP201 5	36 tháng	VN-21192-18	04/07/2018	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Quốc Tế Đức An	Việt Nam	Furen Pharmaceutical Group Co., Ltd.	China
37	Oxamed	Oxcarbazepine 300mg	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	NSX	30 tháng	VN-21193-18	04/07/2018	Công ty cổ phần Dược phẩm và Thiết bị y tế Âu Việt	Việt Nam	Atlantic Pharma-Producoes Farmaceuticas S.A	Portugal
38	Bilobil Intenes 120mg capsules, hard	Cao khô lá Ginkgo biloba. 120mg	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 10 viên	NSX	36 tháng	VN-21194-18	04/07/2018	Công ty cổ phần Dược phẩm và Thiết bị y tế Âu Việt	Việt Nam	KRKA, D.D., . Novo Mesto	Slovenia
39	Rewisca 150mg	Pregabalin 150mg	Viên nang cứng	Hộp 4 vỉ x 14 viên	NSX	24 tháng	VN-21195-18	04/07/2018	Công ty cổ phần Dược phẩm và Thiết bị y tế Âu Việt	Việt Nam	KRKA, D.D., . Novo Mesto	Slovenia
40	Cefotaxime Panpharma	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim sodium) 1g	Bột pha tiêm	Hộp 10, 25, 50 lọ	NSX	24 tháng	VN-21196-18	04/07/2018	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Việt Nam	Panpharma	France
41	Moxibac 400 IV Infusion	Mỗi 100ml chứa: Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid) 0,16g	Dung dịch truyền	Hộp 1 chai 250ml kèm 1 bộ dụng cụ tiêm truyền	NSX	24 tháng	VN-21197-18	04/07/2018	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Việt Nam	Popular Pharmaceuticals Ltd.	Bangladesh
42	Lanabal	Mecobalamin 500mcg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	NSX	24 tháng	VN-21198-18	04/07/2018	Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco	Việt Nam	PT Bernofarm	Indonesia

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
43	Granisetron Kabi 1mg/1ml	Granisetron (dưới dạng Granisetron HCl) 1mg/1ml	Dung dịch đậm đặc pha tiêm/tiêm truyền	Hộp 5 ống 1ml	NSX	36 tháng	VN-21199-18	04/07/2018	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Labesfal- Laboratórios Almiro, S.A.	Portugal
44	Piperacillin/Tazobactam Kabi 2g/0,25g (SX sản phẩm trung gian: Fresenius Kabi Anti-infective Srl; Địa chỉ: Loc. Masserie Armieri, 86077 Pozzilli (IS), Italy)	Piperacilin (dưới dạng Piperacilin natri) 2g; Tazobactam (dưới dạng Tazobactam natri) 0,25g	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	NSX	36 tháng	VN-21200-18	04/07/2018	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Việt Nam	Labesfal- Laboratórios Almiro, S.A.	Portugal
45	Letroffam	Vinpocetin 10mg	Viên nén	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ x 30 viên	NSX	24 tháng	VN-21201-18	04/07/2018	Công ty Cổ phần Fulink Việt Nam	Việt Nam	UAB Aconitum	Litva
46	Tiecarbin Powder for I.V. Injection	Imipenem (dưới dạng Imipenem monohydrat) 500mg; Cilastatin (dưới dạng Cilastatin natri) 500mg	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	USP 40	24 tháng	VN-21202-18	04/07/2018	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Song Sơn	Việt Nam	Savior Lifetec Corporation Tainan Branch Injection Plant	Taiwan, R.O.C
47	Legydev 5mg	Desloratadin 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21203-18	04/07/2018	Công ty CP dược phẩm Pha No	Việt Nam	Deva Holding A.S.	Turkey
48	Folinato 50mg	Acid folinic (dưới dạng Calci folinat pentahydrat) 50mg	Bột đông khô và dung môi pha tiêm truyền	Hộp 1 lọ và 1 ống dung môi (nước pha tiêm) 5ml	NSX	24 tháng	VN-21204-18	04/07/2018	Công ty CP dược phẩm Pha No	Việt Nam	Laboractorios Normon S.A.	Spain
49	Pramital	Citalopram (dưới dạng Citalopram hydrobromid) 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	NSX	24 tháng	VN-21205-18	04/07/2018	Công ty CPDP Ta Da	Việt Nam	Anfarm Hellas S.A.	Greece

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
50	Exinef 90mg (Cơ sở đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V., đ/c: Waarderweg 39, NL-2031 BN Haarlem, Netherlands)	Etoricoxib 90mg	Viên nén bao phim	Hộp 1, 2 hoặc 4 vi x 7 viên	NSX	36 tháng	VN-21206-18	04/07/2018	Công ty Merck Sharp & Dohme (Asia) LTD	Hong Kong	Frosst Iberica S.A.	Spain
51	Atozet 10mg/10mg (Tên cơ sở sản xuất BTP (cốm ezetimibe và cốm atorvastatin): MSD International GmbH (Singapore Branch); ĐC: 70 Tuas West Drive, Singapore 638414, Singapore; Cơ sở đóng gói, XX: Merck	Ezetimibe (dưới dạng micronized) 10mg; Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat crystalline) 10mg;	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21207-18	04/07/2018	Công ty Merck Sharp & Dohme (Asia) LTD	Hong Kong	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC	Puerto Rico

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
52	Atozet 10mg/20mg (Tên cơ sở sản xuất BTP (cốm ezetimibe và cốm atorvastatin): MSD International GmbH (Singapore Branch); ĐC: 70 Tuas West Drive, Singapore 638414, Singapore; Cơ sở đóng gói, XX: Merck	Ezetimibe (dưới dạng micronized) 10mg; Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat crystalline) 20mg;	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21208-18	04/07/2018	Công ty Merck Sharp & Dohme (Asia) LTD	Hong Kong	MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC	Puerto Rico
53	Orgametril	Lynestrenol 5mg	Viên nén	Hộp 1 vi x 30 viên	NSX	60 tháng	VN-21209-18	04/07/2018	Công ty Merck Sharp & Dohme (Asia) LTD	Hong Kong	N.V. Organon	The Netherlands
54	Bridion (CS Đóng gói: N.V.Organon; Đ/C: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, The Netherlands	Sugammadex (dưới dạng sugamadex natri) 100mg/ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 10 lọ 5ml	NSX	36 tháng	VN-21210-18	04/07/2018	Công ty Merck Sharp & Dohme (Asia) LTD	Hong Kong	Patheon Manufacturing Services LLC	USA
55	Bridion (CS Đóng gói: N.V.Organon; Đ/C: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, The Netherlands	Sugammadex (dưới dạng sugamadex natri) 100mg/ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 10 lọ 2ml	NSX	36 tháng	VN-21211-18	04/07/2018	Công ty Merck Sharp & Dohme (Asia) LTD	Hong Kong	Patheon Manufacturing Services LLC	USA

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
56	Rocurobivid's	Rocuronium bromide 10mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 10ml	NSX	36 tháng	VN-21212-18	04/07/2018	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Việt Nam	Hameln Pharmaceuticals GmbH	Germany
57	Rocuronium-hameln 10mg/ml	Rocuronium bromide 10mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 5ml	NSX	36 tháng	VN-21213-18	04/07/2018	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Việt Nam	Hameln Pharmaceuticals GmbH	Germany
58	Ketospray	Ketoprofen 2500mg/25ml	Dung dịch xịt ngoài da	Hộp 1 chai 25ml	NSX	48 tháng	VN-21214-18	04/07/2018	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Việt Nam	Pharbil Waltrop GmbH	Germany
59	Haepiril	Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydrat) 5mg	Viên nén	Hộp 4 vi x 14 viên	NSX	24 tháng	VN-21215-18	04/07/2018	Công ty TNHH Đại Bắc	Việt Nam	Bluepharma- Indústria Farmacêutica, S.A.	Portugal
60	Effergal	Paracetamol 500mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 4 vi x 4 viên	NSX	36 tháng	VN-21216-18	04/07/2018	Công ty TNHH DKSH Việt Nam	Việt Nam	UPSA SAS	France
61	Effergal (Cơ sở xuất xưởng: Ursa SAS, đ/c: 979, Avenue des Pyrénées, 47520 Le Passage, France)	Paracetamol 300mg	Viên đạn	Hộp 2 vi x 5 viên	NSX	36 tháng	VN-21217-18	04/07/2018	Công ty TNHH DKSH Việt Nam	Việt Nam	Ursa SAS	France
62	Atosiban Pharmidea 37,5mg/5ml	Atosiban 37,5mg/5ml	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ 5ml	NSX	36 tháng	VN-21218-18	04/07/2018	Công ty TNHH DP Bách Việt	Việt Nam	Sia Pharmidea	Latvia
63	Fynkenac	Diclofenac natri 75mg/3ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21219-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược phẩm Á Mỹ	Việt Nam	M/S Fynk Pharmaceuticals	Pakistan
64	Mebxit	Methylprednisolon 4mg	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	48 tháng	VN-21220-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	Việt Nam	PT Phapros	Indonesia
65	Upetal	Fluconazol 150mg	Viên nang	Hộp 1 vi x 1 viên	NSX	48 tháng	VN-21221-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược phẩm DO HA	Việt Nam	S.C. Slavia Pharm S.R.L.	Romania

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
66	PM Procure	Mỗi viên chứa: Thiamin nitrat 5mg; Riboflavin 5mg; Nicotinamid 5mg; Pyridoxin HCl 5mg; Calcium pantothenat 5mg; Acid folic 400mcg; Acid ascorbic 50mg; d-alpha-Tocopherol 10IU; Sắt fumarat 15,7mg tương đương sắt nguyên tố 5mg; Kẽm sulfat monohydrat 22,2mg t	Viên nang mềm	Lọ 30 viên	NSX	36 tháng	VN-21222-18	04/07/2018	Công ty TNHH dược phẩm Đông Đô	Việt Nam	Catalent Australia Pty. Ltd.	Australia
67	Inpinem Inj.	Mỗi lọ chứa: Meropenem (dưới dạng Meropenem hydat) 500mg	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	USP38	36 tháng	VN-21223-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược phẩm Nam Hàn	Việt Nam	Jeil Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea
68	Pmx Ciprofloxacin 500mg Tab	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydrochlorid) 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	USP38	36 tháng	VN-21224-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược phẩm Nam Hàn	Việt Nam	KMS Pharm. Co., Ltd.	Korea
69	Rovatin Film-coated tablet	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calcium) 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vi x 14 viên	NSX	36 tháng	VN-21225-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược phẩm Nam Hàn	Việt Nam	Korea Prime Pharm. Co., Ltd.	Korea
70	Jeitin	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri) 1g	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ x 1g	USP 39	24 tháng	VN-21226-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược phẩm Nam Hàn	Việt Nam	Samjin Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea
71	Sotrel 10mg	Isotretinoin 10mg	Viên nang mềm	Hộp 3 vi x 10 viên	USP 38	36 tháng	VN-21227-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược phẩm Nam Hàn	Việt Nam	Young Il Pharm. Co. Ltd	Korea
72	Trinitrina	Nitroglycerine 5mg/1,5ml	Dung dịch đậm đặc để tiêm truyền	Hộp 10 ống x 1,5ml	NSX	60 tháng	VN-21228-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Anh	Việt Nam	Fisiopharma SRL	Italy
73	Remecilox 200	Ofloxacin 200mg	Viên nén bao phim	10 vi x 10 viên	NSX	60 tháng	VN-21229-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Anh	Việt Nam	Remedica Ltd.	Cyprus

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
74	Levofloxacin/co oper solution for infusion 500mg/100ml	Mỗi 1ml dung dịch chứa: levofloxacin (dưới dạng levofloxacin hemihydrat) 5mg	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 100ml, hộp 1 chai 100ml	NSX	36 tháng	VN-21230-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược phẩm Thủ Đô	Việt Nam	Cooper S.A. Pharmaceuticals	Greece
75	Levocure	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin HCl) 500mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai thủy tinh 100ml	NSX	24 tháng	VN-21231-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược phẩm Thủ Đô	Việt Nam	Sichuan Kelun Pharmaceutical Co., Ltd.	China
76	Sitagil 100	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphat monohydrat) 100mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21232-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê	Việt Nam	Incepta Pharlaceutical Ltd	Bangladesh
77	Gabena 10 Tablet	Olanzapin 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	USP 37	36 tháng	VN-21233-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê	Việt Nam	Square Pharmaceuticals Ltd	Bangladesh
78	Normelip 20	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci) 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21234-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê	Việt Nam	Square Pharmaceuticals Ltd	Bangladesh
79	Paracetamol Generis	Paracetamol 10mg/ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ 100ml	NSX	24 tháng	VN-21235-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Pháp	Việt Nam	S.M. Farmaceutici SRL	Italy
80	Cufo Lozenges (Black currant)	2,4-Dichlorobenzyl alcohol 1,2 mg; Amylmetacresol 0,6 mg	Viên ngậm	Hộp 2 vỉ x 12 viên ngậm	NSX	36 tháng	VN-21236-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Phú	Việt Nam	Unique Pharmaceutical Laboratories (A Division. of J.B. Chemicals & Pharmaceuticals Ltd.)	India
81	Stemvir	Tenofovir disoprosil fumarat 300mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 4 viên	NSX	24 tháng	VN-21237-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược phẩm Vietsun	Việt Nam	Incepta Pharlaceutical Ltd	Bangladesh
82	Agicold hotmix orange	Mỗi 5g bột chứa: Paracetamol 750mg; Phenylephrin hydrocloird 10mg; Acid ascorbic (vitamin C) 60mg	Bột pha uống	Hộp 5 túi x 5g	NSX	36 tháng	VN-21238-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược Phẩm Y-Med	Việt Nam	Agio Pharmaceuticals Ltd.	India

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
83	Methicowel 1500	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Methylcobalamin 1500mcg	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 1ml	NSX	24 tháng	VN-21239-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược Phẩm Y-Med	Việt Nam	Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd.	India
84	Metlife	Metronidazol 500mg/100ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 chai 100ml	NSX	36 tháng	VN-21240-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược Phẩm Y-Med	Việt Nam	Eurolife Healthcare Pvt., Ltd.	India
85	Edsave 20	Tadalafil 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên, hộp 1 vỉ x 4 viên	USP40	24 tháng	VN-21241-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược Phẩm Y-Med	Việt Nam	Fourrts (India) Laboratories Pvt., Ltd.	India
86	Fildilol 3.125	Carvedilol 3,125mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	USP 36	24 tháng	VN-21242-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược Phẩm Y-Med	Việt Nam	Fourrts (India) Laboratories Pvt. Ltd.	India
87	Lipiles-20	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium) 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21243-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược Phẩm Y-Med	Việt Nam	Indchemie Health Specialities Pvt. Ltd.	India
88	Latandrops	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Latanoprost 50 mcg	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 2,5ml	NSX	36 tháng	VN-21244-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược Tâm Đan	Việt Nam	Vianex S.A.- Plant A'	Greece
89	Lichaunox	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Linezolid 2mg	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 vỉ x 10 ống	NSX	24 tháng	VN-21245-18	04/07/2018	Công Ty TNHH Hóa Chất Dược Phẩm Châu Ngọc		Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Poland
90	Zedoxim Sachet	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 40mg	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói 3,2g	USP37	24 tháng	VN-21246-18	04/07/2018	Công ty TNHH Kiến Việt	Việt Nam	Globe Pharmaceuticals Ltd.	Bangladesh
91	Goldzovir	Aciclovir 50mg/g	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 10g	NSX	24 tháng	VN-21247-18	04/07/2018	Công ty TNHH Lamda	Việt nam	Farmalabor Produtos Farmacêuticos, S.A (Fab.)	Portugal
92	Oradays	Ciprofloxacin 200mg	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp chứa 10 túi nhôm x 01 túi truyền PVC x 100ml	BP 2016	24 tháng	VN-21248-18	04/07/2018	Công ty TNHH Lamda	Việt nam	S.C. Infomed Fluids S.R.L	Rumani
93	Dalisone	Ceftriaxone (dưới dạng Ceftriaxon natri) 1g	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ x 1g	USP 37	24 tháng	VN-21249-18	04/07/2018	Công ty TNHH một thành viên Dược phẩm Trung ương 2 (Codupha)	Việt Nam	Shenzhen Zhijun Pharmaceutical Co., Ltd.	China

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
94	Calcium Folate-Belmed	Calci folinat 100mg	Bột đông khô pha dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ	NSX	24 tháng	VN-21250-18	04/07/2018	Công ty TNHH Một thành viên Vimepharco	Việt Nam	Belmedpreparaty RUE	Belarus
95	Levoworld	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat) 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 7 viên	NSX	24 tháng	VN-21251-18	04/07/2018	Công ty TNHH MTV DP Altus	Việt Nam	Biofarma Ilac San. ve Tic. A.S.	Turkey
96	Locobile-100	Celecoxib 100mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21252-18	04/07/2018	Công ty TNHH MTV DP Việt Tin	Việt Nam	M/s Windlas Biotech Limited	India
97	Locobile-400	Celecoxib 400mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21253-18	04/07/2018	Công ty TNHH MTV DP Việt Tin	Việt Nam	M/s Windlas Biotech Limited	India
98	Epelax	Eperison hydrochlorid 50mg	Viên nén bao đường	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36 tháng	VN-21254-18	04/07/2018	Công ty TNHH Philavida	Việt Nam	Daewoo Pharm. Co., Ltd.	Korea
99	Mome-Air	Mometason furoat 3mg/6ml	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 1 lọ 6ml; hộp 1 lọ 12 ml	BP 2016	24 tháng	VN-21255-18	04/07/2018	Công ty TNHH Reliv Pharma	Việt Nam	Sava Healthcare Limited	India
100	Mepraz	Omeprazol 10mg	Viên nang kháng dịch dạ dày	Hộp 4 vỉ x 7 viên	NSX	24 tháng	VN-21256-18	04/07/2018	Công ty TNHH Sanofi-Aventis Việt Nam	Việt Nam	S.C.Zentiva	Romania
101	Piperacillin Panpharma 4g	Piperacillin (dưới dạng piperacillin natri) 4g	Bột pha tiêm	Hộp 10, 25 lọ	NSX	36 tháng	VN-21257-18	04/07/2018	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Việt	Việt Nam	Panpharma	France
102	Telod 40	Telmisartan 40mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	USP 39	24 tháng	VN-21258-18	04/07/2018	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm quốc tế Thiên Đan	Việt Nam	Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd.	India
103	Mexams 5	Montelukast (dưới dạng montelukast natri) 5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36 tháng	VN-21259-18	04/07/2018	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Vân Hồ	Việt Nam	Celogen Generics Pvt. Ltd	India
104	Noraquick 300	Gabapentin 300mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 10 viên	NSX	36 tháng	VN-21260-18	04/07/2018	Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Vân Hồ	Việt Nam	Celogen Generics Pvt. Ltd	India
105	Ociple 500	Levofloxacin 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	USP38	36 tháng	VN-21261-18	04/07/2018	Công ty TNHH thương mại Thanh Danh	Việt Nam	Baroque Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	India

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
106	Acectum	Mỗi lọ chứa: Piperacillin (dưới dạng piperacillin natri) 4g; Tazobactam (dưới dạng Tazobactam natri) 0,5g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	USP39	24 tháng	VN-21262-18	04/07/2018	Công ty TNHH Thương mại Thanh Danh	Việt Nam	Karnataka Antibiotics & Pharmaceuticals Limited	India
107	Folsadron-150	Fluconazole 150mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 10 viên	NSX	36 tháng	VN-21263-18	04/07/2018	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	Việt Nam	Galpha Laboratoires Ltd	India
108	Solbio Inj	Mỗi chai 500ml chứa: L-Isoleucine 3,45g; L-Leucine 4,55g ; L-Lysine acetate 5,1g; L-Methionine 2,65g; L-Phenylalanine 2,8g; L-Threonine 2,0g; L-Valine 3,3g; L-Tryptophan 0,75g; L-Alanine 3,55g; L-Alanine 4,75g.	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	NSX	36 tháng	VN-21264-18	04/07/2018	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	Việt Nam	Hanall Pharmaceutical Co, Ltd.	Korea
109	Lyric Capsule	Pregabalin 150mg	Viên nang cứng	Hộp 4 vỉ x 6 viên	NSX	24 tháng	VN-21265-18	04/07/2018	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	Việt Nam	Healthcare Pharmaceuticals Ltd.	Bangladesh
110	Neuronin capsule	Gabapentin 300mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên, lọ 30 viên	USP 39	36 tháng	VN-21266-18	04/07/2018	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	Việt Nam	Medica Korea Co., Ltd.	Korea
111	Rabeum	Rabeprazol natri 20mg	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 1 vỉ x 10 viên	NSX	36 tháng	VN-21267-18	04/07/2018	Công ty TNHH TM DP Đông Phương	Việt Nam	Medica Korea Co., Ltd.	Korea
112	Silum	Flunarizin (dưới dạng Flunarizin dihydrochlorid) 5mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36 tháng	VN-21268-18	04/07/2018	Công ty TNHH Y tế Cánh Cửa Việt	Việt Nam	Pulse Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	India
113	Cravit tab 750	Levofloxacin 750mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 5 viên	NSX	48 tháng	VN-21269-18	04/07/2018	Daiichi Sankyo (Thailand) Ltd	Thailand	Interthai Pharmaceutical Manufacturing Ltd	Thailand

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
114	Ozumik	Mỗi lọ 5 ml dung dịch chứa: Acid zoledronic (dưới dạng Acid zoledronic monohydrat) 4mg	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền	Hộp 1 lọ, hộp 4 lọ, hộp 10 lọ	NSX	36 tháng	VN-21270-18	04/07/2018	Demo S.A. Pharmaceutical Industry	Greece	Demo S.A. Pharmaceutical Industry	Greece
115	Nadebo Tab	Rebamipide 100mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36 tháng	VN-21271-18	04/07/2018	Dong Sung Pharm Co., Ltd	Korea	Kyung Dong Pharm Co., Ltd.	Korea
116	Seobtoam	Nabumetone 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	USP37	36 tháng	VN-21272-18	04/07/2018	Dong Sung Pharm Co., Ltd	Korea	Pharvis Korea Pharm. Co.,Ltd.	Korea
117	Apruxton	Almagat 1,5g/15ml	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 15ml; Hộp 30 gói x 15 ml.	NSX	36 tháng	VN-21273-18	04/07/2018	Dong Sung Pharm Co., Ltd	Korea	Theragen Etex Co., Ltd	Korea
118	Urliz	Nabumetone 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	USP 40	36 tháng	VN-21274-18	04/07/2018	Dong Sung Pharm Co., Ltd	Korea	Theragen Etex Co., Ltd	Korea
119	Omez	Omeprazol 20mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21275-18	04/07/2018	Dr. Reddys Laboratories Ltd.	India	Dr. Reddys Laboratories Ltd.	India
120	Caspofungin Acetate 50mg	Caspofungin (dưới dạng Caspofungin acetate) 50mg	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ	NSX	24 tháng	VN-21276-18	04/07/2018	Dr. Reddys Laboratories Ltd.	India	Gland Pharma Limited	India
121	Alimta	Pemetrexed (dưới dạng Pemetrexed dinatri heptahydrate) 100mg	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ	NSX	36 tháng	VN-21277-18	04/07/2018	Eli Lilly Export S.A.	Thụy Sĩ	Eli Lilly & Company	USA
122	Nusar-50	Losartan kaki 50mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21278-18	04/07/2018	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	India	Emcure Pharmaceuticals Limited	India
123	Infen-25	Dexketoprofen (dưới dạng Dexketoprofen trometamol) 25mg	Viên nén bao phim	Hộp lớn x10 hộp nhỏ x 1 vỉ x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21279-18	04/07/2018	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	India	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	India
124	QTAX 1.0g	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri) 1g	Bột vô khuẩn pha tiêm	Hộp 1 lọ 1g + 1 ống nước cất pha tiêm	USP 40	30 tháng	VN-21280-18	04/07/2018	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	India	M/S Samrudh Pharmaceuticals Pvt., Ltd.	India

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
125	Furtinsel Solution 5%	Minoxidil 50mg/ml	Dung dịch dùng ngoài	Hộp 1 lọ 200ml; hộp 1 lọ 80ml	USP 38	36 tháng	VN-21281-18	04/07/2018	Enter Pharm Co., Ltd	Korea	Dongsung pharm. Co.,Ltd	Korea
126	Viartril-S	Glucosamin (dưới dạng Crystalline Glucosamine sulfate sodium chloride 1884mg) 1178mg; tương đương 1500mg Glucosamine sulfate	Bột pha dung dịch uống	Hộp 30 gói	NSX	36 tháng	VN-21282-18	04/07/2018	Ever Neuro Pharma GMBH	Austria	Rottapharm Ltd.	Ireland
127	Cellcept	Mycophenolate mofetil 250mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36 tháng	VN-21283-18	04/07/2018	F. Hoffmann-La Roche Ltd.	Switzerland	Roche S.p.A	Italy
128	Furoxingo 750	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri) 750mg	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	USP39	36 tháng	VN-21284-18	04/07/2018	Flamingo Pharmaceuticals Ltd.	India	Flamingo Pharmaceuticals Ltd.	India
129	Zinnat tablets 125mg	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 125mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ 10 viên	NSX	36 tháng	VN-21285-18	04/07/2018	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	Singapore	Glaxo Operations UK Limited	UK
130	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dưới dạng salmeterol xinafoate micronised) 25mcg; Fluticason propionate (dạng micronised) 125mcg	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	Hộp 1 bình 120 liều xịt	NSX	24 tháng	VN-21286-18	04/07/2018	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	Singapore	Glaxo Wellcome S.A,	Spain
131	Atarax	Hydroxyzine hydrochloride 25mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 30 viên	NSX	36 tháng	VN-21287-18	04/07/2018	GlaxoSmithKline Pte., Ltd.	Singapore	UCB Pharma S.A	Belgium
132	Rostat-10	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 10mg	Viên nén bao phim	Hộp lớn chứa 10 hộp nhỏ x 1 vỉ x 10 viên	NSX	36 tháng	VN-21288-18	04/07/2018	Global Pharma Healthcare Pvt. Ltd	India	Global Pharma Healthcare Pvt., Ltd.	India
133	Grarizine	Levocetirizin dihydrochlorid 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36 tháng	VN-21289-18	04/07/2018	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	India	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	India
134	Ursocure	Ursodeoxycholic acid 300mg	Viên nén	Hộp 3, 10 vỉ x 10 viên	BP 2017	36 tháng	VN-21290-18	04/07/2018	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	India	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	India
135	Newfuxin Inj.	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri) 1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	USP 40	24 tháng	VN-21291-18	04/07/2018	Hawon Pharmaceutical Corporation	Korea	Aju Pharm. Co., Ltd	Korea

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
136	Azicin-Dae Han	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin HCl) 150mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	USP 40	36 tháng	VN-21292-18	04/07/2018	Hawon Pharmaceutical Corporation	Korea	Dae Han New Pharm Co., Ltd.	Korea
137	Hypolip-10	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat) 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21293-18	04/07/2018	Hetero Labs Limited	India	Hetero Labs Limited	India
138	Hypolip-20	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci trihydrat) 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21294-18	04/07/2018	Hetero Labs Limited	India	Hetero Labs Limited	India
139	Telebrix Gastro (Xuất xưởng: Guerbet, địa chỉ: 16-24 rue Jean Chaptal, 93600 Aulnay-sous-Bios, France; Đóng gói: Pharmtech (Hong Kong) Limited địa chỉ: Tầng 5 và 6 Tòa Cheung Fung Industrial, 23-39 Đur	Acid ioxitalamic 50,68g/100ml	Dung dịch dùng đường uống hoặc trực tràng	Hộp 1 lọ 100ml; hộp 25 lọ 50ml	NSX	36 tháng	VN-21295-18	04/07/2018	Hyphens Pharma Pte. Ltd	Singapore	Delpharm Tours	France
140	Fugacar (chewable tablet, chocolate)	Mebendazol 500mg	Viên nén nhai	Hộp 1 vi x 1 viên	NSX	36 tháng	VN-21296-18	04/07/2018	Janssen Cilag Ltd.	Thailand	Olic (Thailand) Limited	Thailand

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
141	Combilipid MCT Peri injection	Mỗi túi 3 ngăn 375 ml chứa: Dung dịch A (Dung dịch glucose 16,0% có chứa chất điện giải) 150ml chứa: Glucose monohydrat (tương ứng 24g glucose) 26,4g; Natri dihydrogen phosphat dihydrat 0,351g; Kẽm acetat dihydrat (tương ứng 0,0006g kẽm) 0,0019875g; Dun	Nhũ tương tiêm truyền	Thùng carton chứa 8 túi x 375ml	NSX	24 tháng	VN-21297-18	04/07/2018	JW Pharmaceutical Corporation	Korea	JW Life Science Corporation	Korea
142	Hepagold	Mỗi 250ml chứa: L-Isoleucine 2,25g; L-Leucine 2,75g; L-Lysine acetat (tương đương 1,525g L-Lysine) 4,3g; L-Methionin 0,25g; L-Phenylalanine 0,25g; L-Threonine 1,125g; L-Tryptophan 0,165g; ...	Dung dịch tiêm truyền	Thùng carton chứa 10 túi 250ml, 500ml	NSX	24 tháng	VN-21298-18	04/07/2018	JW Pharmaceutical Corporation	Korea	JW Life Science Corporation	Korea
143	Nephgold	Mỗi 250 ml chứa: L-Isoleucin 1,4g; L-Leucin 2,2g; L-Lysin (dưới dạng L-Lysin acetat) 1,6g; L-Methionin 2,2g; L-Phenylalamin 2,2g; L-Threonin 1g; L-Tryptophan 0,5g; L-Valin 1,6g; L-Histidin 0,63g.	Dung dịch tiêm truyền	Thùng carton chứa 10 túi x 250ml	NSX	24 tháng	VN-21299-18	04/07/2018	JW Pharmaceutical Corporation	Korea	JW Life Science Corporation	Korea
144	Fluostine Capsule	Flunarizine (dưới dạng Flunarizine hydrochloride) 5 mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	36 tháng	VN-21300-18	04/07/2018	Korea Prime Pharm. Co., Ltd	Korea	Korea Prime Pharm. Co., Ltd.	Korea

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
145	Levohistil tablet	Levocetirizin dihydrochlorid 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21301-18	04/07/2018	Korea Prime Pharm. Co., Ltd	Korea	Korea Prime Pharm. Co., Ltd.	Korea
146	Vigisup Susp. Soft Capsule	Neomycin (tương đương 35mg, dưới dạng Neomycin sulfat) 35000 IU; Nystatin 100000 IU; Polymyxin B sulfat 35000 IU	Viên nang mềm đặt âm đạo	Hộp 2 vi x 6 viên	NSX	36 tháng	VN-21302-18	04/07/2018	Korea Prime Pharm. Co., Ltd	Korea	Korea Prime Pharm. Co., Ltd.	Korea
147	Joyloxin	Mỗi 250ml dung dịch chứa: Moxifloxacin 400mg	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 250 ml	NSX	24 tháng	VN-21303-18	04/07/2018	Korea United Pharm. Inc.	Korea	Korea United Pharm. Inc.	Korea
148	Axcel Erythromycin ES Tablet	Erythromycin (dưới dạng Erythromycin ethyl succinat) 400mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	36 tháng	VN-21304-18	04/07/2018	Kotra Pharma (M) Sdn. Bhd.	Malaysia	Kotra Pharma (M) Sdn. Bhd.	Malaysia
149	Axcel miconazole cream	Miconazole nitrate 2% (kl/kl)	Cream	Hộp 1 tuýp x 5g, 15g	NSX	36 tháng	VN-21305-18	04/07/2018	Kotra Pharma (M) Sdn. Bhd.	Malaysia	Kotra Pharma (M) Sdn. Bhd.	Malaysia
150	Axcel Urea Cream	Mỗi 20g kem chứa: Urea 2g	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 20g	NSX	36 tháng	VN-21306-18	04/07/2018	Kotra Pharma (M) Sdn. Bhd.	Malaysia	Kotra Pharma (M) Sdn. Bhd.	Malaysia
151	Aminol Injection	Mỗi 20ml chứa: L-arginin HCl 160mg; L-Histidin HCl. H2O 80mg; L-Lysin HCl. 2H2O 446mg; L-Methionin 142mg; L-Threonin 108mg; L-Tryptophan 36mg; Glycin 200mg; D-Sorbitol 1000mg	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống 20ml	NSX	36 tháng	VN-21307-18	04/07/2018	Kwan Star Co., Ltd.	Taiwan	Taiwan Biotech Co.	Taiwan
152	Joeton injection	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri) 750mg	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	USP 40	24 tháng	VN-21308-18	04/07/2018	Kyongbo pharmaceutical co ltd	Korea	Aju Pharm. Co., Ltd	Korea
153	Hyazigs Injection	Sodium hyaluronate 20mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 3 bơm tiêm chứa sẵn 2ml dung dịch tiêm	NSX	36 tháng	VN-21309-18	04/07/2018	Kyongbo pharmaceutical co ltd	Korea	Dongkook Pharmaceutical Co., Ltd	Korea

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
154	Kbdime injection	Ceftazidim (dưới dạng bột hỗn hợp vô khuẩn Ceftazidim pentahydrat và natri carbonat) 1g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, 10 lọ x 1g	USP40	24 tháng	VN-21310-18	04/07/2018	Kyongbo pharmaceutical co ltd	Korea	Kyongbo Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea
155	Phenylephrine Aguettant 50 Microgrammes/ml	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Phenylephrin (dưới dạng Phenylephrin hydroclorid) 50 mcg	Dung dịch tiêm trong bơm tiêm đóng sẵn	Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn x 10 ml	NSX	36 tháng	VN-21311-18	04/07/2018	Laboratoire Aguettant S.A.S	France	Laboratoire Aguettant	France
156	Preterax	Perindopril ter-butylamin 2mg; Indapamide 0,625mg	Viên nén	Hộp 1 vỉ 30 viên	NSX	36 tháng	VN-21312-18	04/07/2018	Les Laboratoires Servier	France	Les Laboratoires Servier Industrie	France
157	Natecal D3	Calci (dưới dạng calci carbonat) 600mg; Cholecalciferol (tương đương 0,1mg) 400 IU	Viên nhai	Hộp 1 chai 60 viên	NSX	36 tháng	VN-21313-18	04/07/2018	Lifepharm S.p.A.	Italy	Italfarmaco S.P.A.	Italy
158	Clopixol Depot	Zuclopenthixol decanoate 200mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	NSX	36 tháng	VN-21314-18	04/07/2018	Lundbeck Export A/S	Denmark	H. Lundbeck A/S	Denmark
159	Torincox 90	Etoricoxib 90mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21315-18	04/07/2018	Maxim Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	India	Acme Formulation Pvt. Ltd.	India
160	Vancomycin hydrochloride powder for solution for injection 1g	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydrochlorid) 1g	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	NSX	36 tháng	VN-21316-18	04/07/2018	Mi Pharma Private Limited	India	Agila Specialties Pvt. ltd.	India
161	Pdsolone-40mg	Methylprednisolone (dưới dạng Methylprednisolone sodium succinate) 40mg	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	USP 40	36 tháng	VN-21317-18	04/07/2018	Mi Pharma Private Limited	India	Swiss Parentals Pvt. Ltd	India
162	MS Contin 10mg	Morphin sulfat 10mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ x 30 viên	NSX	36 tháng	VN-21318-18	04/07/2018	Mundipharma Pharmaceuticals Pte. Ltd.	Singapore	Bard Pharmaceuticals Limited	United Kingdom

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
163	MS Contin 30mg	Morphin sulfat 30mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ x 30 viên	NSX	36 tháng	VN-21319-18	04/07/2018	Mundipharma Pharmaceuticals Pte. Ltd.	Singapore	Bard Pharmaceuticals Limited	United Kingdom
164	Salbutamol 100 mcg/1 dos	Mỗi liều xịt chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulphat) 100 mcg	Hỗn dịch xịt	Hộp 1 lọ xịt x 200 liều	NSX	24 tháng	VN-21320-18	04/07/2018	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Singapore	Aeropharm GmbH.	Germany
165	Fludarabin Ebewe"	Mỗi 2 ml chứa: Fludarabin "Ebewe" 50mg	Dung dịch tiêm/dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm - truyền	Hộp 1 lọ 2ml	NSX	36 tháng	VN-21321-18	04/07/2018	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Singapore	Ebewe Pharma Ges.m.b.H Nfg.KG	Austria
166	Sudomon 50mcg/1dos	Mometasone furoate 50mcg/liều xịt	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 1 lọ 120 liều xịt	NSX	24 tháng	VN-21322-18	04/07/2018	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Singapore	Lek Pharmaceuticals d.d,	Slovenia
167	Tensiber Plus (đóng gói: Lek Pharmaceuticals d.d, địa chỉ: Trimlini 2D, 9220 Lendava, Slovenia)	Irbesartan 150mg; Hydrochlorothiazide 12,5	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21323-18	04/07/2018	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Singapore	Lek Pharmaceuticals d.d,	Slovenia
168	Bicalutamide FCT 50mg	Bicalutamid 50mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 14 viên	NSX	24 tháng	VN-21324-18	04/07/2018	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Singapore	Salutas Pharma GmbH	Germany
169	Pybactam	Piperacillin (dưới dạng piperacillin natri) 4000mg; Tazobactam (dưới dạng Tazobactam natri) 500mg	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ	NSX	24 tháng	VN-21325-18	04/07/2018	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Singapore	Sandoz GmbH	Austria
170	NS	Natri clorid 0,9%	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	BP2016	36 tháng	VN-21326-18	04/07/2018	Otsuka Pharmaceutical India Private Limited	India	Otsuka Pharmaceutical India Private Limited	India
171	Cefobid	Cefoperazone (dưới dạng Cefoperazone natri) 1g	Bột pha dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 1g	NSX	36 tháng	VN-21327-18	04/07/2018	Pfizer Thailand Ltd.	Thailand	Haupt Pharma Latina S.r.l	Italy

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
172	Aquadetrim vitamin D3 (Xuất xưởng: Medana Pharma Spolka Akcyjna-Đ/c: 98-200 Sieradz, Wladyslawa Lokietka 10, Poland)	Cholecalciferol 150000IU	Dung dịch uống	Hộp 1 lọ 10ml	NSX	36 tháng	VN-21328-18	04/07/2018	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Poland	Medana Pharma Spolka Akcyjna	Poland
173	Polebufen (Xuất xưởng lô: Medana Pharma Spolka Akcyjna-Đ/c: 98-200 Sieradz, Wl. Lokietka 10, Poland)	Mỗi 5ml chứa Ibuprofen 100mg	Hỗn dịch uống	Hộp 1 lọ 100ml, 120ml	NSX	24 tháng	VN-21329-18	04/07/2018	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Poland	Medana Pharma Spolka Akcyjna	Poland
174	MG-TAN Inj.	Mỗi 100ml dung dịch chứa: L-alanine 0,33g; L-arginine 0,24g; L-aspartic acid 0,071g; L-glutamic acid 0,12g; Glycine 0,16g; L-histidine 0,14g; L-isoleucine 0,12g; L-leucine 0,16g; L-Lysine HCl 0,24g; L-methionine 0,12g; L-phenylalanine 0,16g; L-proline 0,1	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 túi 960ml	NSX	24 tháng	VN-21330-18	04/07/2018	PHARMACHEM CO., LTD	Korea	MG Co., Ltd.	Korea

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
175	MG-TAN Inj.	Mỗi 100ml dung dịch chứa: L-alanine 0,33g; L-arginine 0,24g; L-aspartic acid 0,071g; L-glutamic acid 0,12g; Glycine 0,16g; L-histidine 0,14g; L-isoleucine 0,12g; L-leucine 0,16g; L-Lysine HCl 0,24g; L-methionine 0,12g; L-phenylalanine 0,16g; L-proline 0,1	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 túi 1680ml	NSX	24 tháng	VN-21331-18	04/07/2018	PHARMACHEM CO., LTD	Korea	MG Co., Ltd.	Korea
176	MG-TAN Inj.	Mỗi 100ml dung dịch chứa: L-alanine 0,33g; L-arginine 0,24g; L-aspartic acid 0,071g; L-glutamic acid 0,12g; Glycine 0,16g; L-histidine 0,14g; L-isoleucine 0,12g; L-leucine 0,16g; L-Lysine HCl 0,24g; L-methionine 0,12g; L-phenylalanine 0,16g; L-proline 0,1	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 túi 360ml	NSX	24 tháng	VN-21332-18	04/07/2018	PHARMACHEM CO., LTD	Korea	MG Co., Ltd.	Korea

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
177	MG-TAN Inj.	Mỗi 100ml dung dịch chứa: L-alanine 0,33g; L-arginine 0,24g; L-aspartic acid 0,071g; L-glutamic acid 0,12g; Glycine 0,16g; L-histidine 0,14g; L-isoleucine 0,12g; L-leucine 0,16g; L-Lysine HCl 0,24g; L-methionine 0,12g; L-phenylalanine 0,16g; L-proline 0,1	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 túi 1920ml	NSX	24 tháng	VN-21333-18	04/07/2018	PHARMACHEM CO., LTD	Korea	MG Co., Ltd.	Korea
178	MG-TNA	Mỗi 100ml dung dịch chứa: L-alanine 0,47g; L-arginine 0,33g; L-aspartic acid 0,099g; L-glutamic acid 0,16g; Glycine 0,23g; L-histidine 0,20g; L-isoleucine 0,16g; L-leucine 0,23g; L-lysine HCl 0,33g; L-methionine 0,16g; L-phenylalanine 0,23g; L-proline 0,2	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 túi 1026ml	NSX	24 tháng	VN-21334-18	04/07/2018	PHARMACHEM CO., LTD	Korea	MG Co., Ltd.	Korea
179	Walerotic	Cefdinir 300mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 10 viên	USP 38	36 tháng	VN-21335-18	04/07/2018	PSA Chemicals & Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	India	Zim Laboratories Limited	India
180	Nurofen 400mg sugar coated tablets	Ibuprofen 400mg	Viên nén bao đường	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ x 12 viên	NSX	36 tháng	VN-21336-18	04/07/2018	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd.	Thailand	Reckitt Benckiser Healthcare International Limited	UK
181	Eyrus Ophthalmic Suspension	Polymycin B sulfate 60000IU; Neomycin sulfate 35mg; Dexamethason 10mg	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 10 ml	USP 37	24 tháng	VN-21337-18	04/07/2018	Samil Pharm Co., Ltd.	Korea	Samil Pharm. Co., Ltd	Korea

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
182	Kary Uni	Mỗi lọ 5ml hỗn dịch chứa: Pirenixin 0,25mg	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	NSX	36 tháng	VN-21338-18	04/07/2018	Santen Pharmaceutical Asia Pte. Ltd.	Singapore	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.- Nhà máy Noto	Japan
183	Mydrin-P	Mỗi 10ml dung dịch chứa: Tropicamide 50mg; Phenylephrin hydroclorid 50mg	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 10ml	NSX	30 tháng	VN-21339-18	04/07/2018	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.	Japan	Santen Pharmaceutical Co., Ltd- Nhà máy Shiga	Japan
184	Kyongbo Cefoxitin inj 1g	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri) 1g	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	NSX	24 tháng	VN-21340-18	04/07/2018	Schnell Biopharmaceuticals Inc.	Korea	Kyongbo Pharm. Co., Ltd.	Korea
185	Shingpoong Pyramax	Pyronaridin tetraphosphat 180mg; Artesunate 60mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 9 viên	NSX	24 tháng	VN-21341-18	04/07/2018	Shin Poong Pharmaceuticals Co., Ltd.	Korea	Shin Poong Pharmaceuticals Co., Ltd.	Korea
186	Lilonton Injection 3000mg/15ml	Mỗi 15ml chứa Piracetam 3000mg	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống 15ml	NSX	48 tháng	VN-21342-18	04/07/2018	Siu Guan Chemical Industrial Co., Ltd.	Taiwan	Siu Guan Chem. Ind. Co., Ltd.	Taiwan
187	Suvelin Injection 300 mg/ 2ml	Cimetidin 300mg/ 2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 2ml	NSX	48 tháng	VN-21343-18	04/07/2018	Siu Guan Chemical Industrial Co., Ltd.	Taiwan	Siu Guan Chem. Ind. Co., Ltd.	Taiwan
188	Vitaplex injection	Mỗi 500ml chứa: Acid ascorbic 500mg; Dextrose 25g; Nicotinamid 625mg; Dexpantenol 250mg; Pyridoxin HCl 25mg; Riboflavin (dưới dạng riboflavin natri phosphat) 25mg; Thiamin HCl 125mg	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	NSX	36 tháng	VN-21344-18	04/07/2018	Siu Guan Chemical Industrial Co., Ltd.	Taiwan	Siu Guan Chem. Ind. Co., Ltd.	Taiwan
189	Acabrose Tablets 50mg	Acarbose 50mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21345-18	04/07/2018	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	Taiwan	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	Taiwan
190	Ambroxol HCl Tablets 30mg	Ambroxol HCl 30mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36 tháng	VN-21346-18	04/07/2018	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	Taiwan	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	Taiwan
191	Relinide Tablets 1mg "Standard"	Repaglinide 1mg	Viên nén	Hộp 8 vỉ x 15 viên	NSX	36 tháng	VN-21347-18	04/07/2018	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	Taiwan	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd.	Taiwan

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
192	Ranbaxycepodem Tablets 200mg	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 200mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	NSX	36 tháng	VN-21348-18	04/07/2018	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	India	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	India
193	Ozapine-10	Olanzapin 10mg	Viên nén bao phim	Hộp lớn X 3 hộp nhỏ x 5 vỉ x 10 viên	USP 38	24 tháng	VN-21349-18	04/07/2018	Synmedic Laboratories	India	Synmedic Laboratories	India
194	Synmox	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin HCl) 400mg	Viên nén bao phim	Hộp lớn x 5 hộp nhỏ x 2 vỉ x 5 viên; Hộp 4 vỉ x 5 viên	NSX	24 tháng	VN-21350-18	04/07/2018	Synmedic Laboratories	India	Synmedic Laboratories	India
195	Bonviva (CSDG: F.Hoffmann-La Roche Ltd; ĐC: Wurmisweg, CH-4303 Kaiseraugst, Thụy Sĩ)	Ibandronic acid (dưới dạng Ibandronic acid monosodium salt monohydrate) 150mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 viên	NSX	60 tháng	VN-21351-18	04/07/2018	Takeda Pharmaceuticals (Asia Pacific) Pte., Ltd.	Singapore	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	Switzerland
196	Toropi 10	Lercanidipin hydroclorid 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21352-18	04/07/2018	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	India	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	India
197	Toropi 20	Lercanidipin hydroclorid 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	24 tháng	VN-21353-18	04/07/2018	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	India	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	India
198	Tacrohope	Mỗi 1g thuốc mỡ chứa: Tacrolimus monohydrat 1mg	Thuốc mỡ	Hộp 1 tuýp 5g, hộp 1 tuýp 10g	NSX	24 tháng	VN-21354-18	04/07/2018	U Square Lifescience Private Ltd.	India	Yash Medicare Pvt. Ltd.	India
199	Daivonex	Calcipotriol 50mcg/g	Thuốc mỡ	Hộp 1 tuýp 30g	NSX	24 tháng	VN-21355-18	04/07/2018	Zuellig Pharma Pte., Ltd.	Singapore	Leo Laboratories Limited	Ireland
200	Xamiol	Mỗi 1g gel chứa: Calcipotriol (dưới dạng Calcipotriol monohydrat) 50mcg; Betamethason (dưới dạng Betamethason dipropionat) 0.5mg	Gel bôi da	Hộp 1 lọ 15g, 30g, 60g	NSX	24 tháng	VN-21356-18	04/07/2018	Zuellig Pharma Pte., Ltd.	Singapore	Leo Laboratories Limited	Ireland
201	Pecabine 500mg	Capecitabin 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 12 vỉ x 10 viên	NSX	30 tháng	VN3-53-18	04/07/2018	Công ty CP dược phẩm Pha No	Việt Nam	Laboratorios Normon, S.A.	Spain

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
202	Irinotecan onkovis 20mg/ml	Irinotecan hydroclorid trihydrat (tương đương Irinotecan 17,33mg/ml) 20mg/ml	Dung dịch đậm đặc để pha dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ 2ml	NSX	24 tháng	VN3-54-18	04/07/2018	Công ty TNHH Bình Việt Đức	Việt Nam	Haupt Pharma Wolfratshausen GmbH	Germany
203	Pemetrexed biovagen (CS xuất xưởng: Synthon Hispania S.L; địa chỉ: Pol.Ind.Les Salines. Carrer Castelló, 1 08830 Sant Boi de Llobregat, Tây Ban Nha)	Pemetrexed (dưới dạng pemetrexed dinatri hemipentahydrat) 100mg	Bột đông khô pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ	NSX	36 tháng	VN3-55-18	04/07/2018	Công ty TNHH DP Bách Việt	Việt Nam	(Cơ sở sản xuất, đóng gói sơ cấp và thứ cấp): Oncomed Manufacturing a.s.	Séc
204	Glotraz	Letrozole 2,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	USP40	24 tháng	VN3-56-18	04/07/2018	Công ty TNHH Dược Phẩm Y-Med	Việt Nam	Globela Pharma Pvt. Ltd	India
205	Decitabin 50mg	Decitabin 50mg/lọ	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ	NSX	24 tháng	VN3-57-18	04/07/2018	Dr. Reddys Laboratories Ltd.	India	Dr. Reddys Laboratories Ltd.	India
206	Doxored 80	Docetaxel 80mg/4ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ	NSX	24 tháng	VN3-58-18	04/07/2018	Dr. Reddys Laboratories Ltd.	India	Dr. Reddys Laboratories Ltd.	India
207	Podoxred 100mg	Pemetrexed (dưới dạng pemetrexed dinatri) 100 mg	Bột đông khô để pha dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ	NSX	24 tháng	VN3-59-18	04/07/2018	Dr. Reddys Laboratories Ltd.	India	Dr. Reddys Laboratories Ltd.	India
208	Podoxred 500mg	Pemetrexed (dưới dạng pemetrexed dinatri 2,5 hydrate) 500mg	Bột đông khô để pha dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ	NSX	24 tháng	VN3-60-18	04/07/2018	Dr. Reddys Laboratories Ltd.	India	Dr. Reddys Laboratories Ltd.	India

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
209	Citafine 200mg	Gemcitabin (dưới dạng Gemcitabin HCl) 200mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	USP38	24 tháng	VN3-61-18	04/07/2018	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	India	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	India
210	Docehope 20mg/0,5ml	Docetaxel (dạng khan) 20mg	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ dung dịch đậm đặc 0,5ml và 1 lọ dung môi 1,5ml	USP 39	24 tháng	VN3-62-18	04/07/2018	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	India	Glenmark Generics S.A	Argentina
211	Methotrexat "ebewe" 50mg/5ml	Methotrexat 10mg/ml	Dung dịch để tiêm hoặc tiêm truyền	Hộp 1 lọ x 5ml	NSX	24 tháng	VN3-63-18	04/07/2018	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Singapore	Ebewe Pharma Ges.m.b.H Nfg.KG	Austria
212	Anastrozole 1mg (CS xuất xưởng: Lek Pharmaceuticals d.d, địa chỉ: Verovskova Ulica 57, 1526 Ljubljana, Slovenia)	Anastrozole 1mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	NSX	36 tháng	VN3-64-18	04/07/2018	Novartis (Singapore) Pte Ltd	Singapore	Salutas Pharma GmbH	Germany
213	Sunpexitaz 500	Pemetrexed (dưới dạng Pemetrexed dinatri heptahydrate) 500mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	NSX	24 tháng	VN3-65-18	04/07/2018	Sun Pharmaceutical Industries Limited.	India	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	India
214	Bortesun	Bortezomib 3,5mg/3ml	Bột đông khô để pha dịch truyền	Hộp 1 lọ 3ml	NSX	24 tháng	VN3-66-18	04/07/2018	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	India	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	India
215	Viên nén Abacavir 300 mg	Abacavir (dưới dạng Abacavir sulfat) 300mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ x 60 viên	USP 38	36 tháng	VN3-67-18	04/07/2018	Aurobindo Pharma Limited	India	Aurobindo Pharma Limited	India
216	Enteliv 1	Entecavir 1mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	NSX	24 tháng	VN3-68-18	04/07/2018	Cadila Healthcare Ltd.	India	Cadila Healthcare Ltd.	India
217	Nevimune	Nevirapin 200mg	Viên nén	Hộp 1 lọ 60 viên	NSX	24 tháng	VN3-69-18	04/07/2018	Cipla Ltd.	India	Cipla Ltd.	India

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
218	Trioday (Tablets)	Mỗi viên chứa: Tenofovir disoproxil fumarat 300mg tương đương Tenofovir disoproxil 245mg; Lamivudin 300mg; Efavirenz 600mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 30 viên	NSX	30 tháng	VN3-70-18	04/07/2018	Cipla Ltd.	India	Cipla Ltd.	India
219	Tavin-EM	Tenofovir disoproxil fumarat 300mg; Emtricitabin 200mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 chai 30 viên	NSX	24 tháng	VN3-71-18	04/07/2018	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	India	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	India
220	Tenof EM	Emtricitabine 200mg; Tenofovir disoprosil fumarat 300mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 30 viên	NSX	24 tháng	VN3-72-18	04/07/2018	Hetero Labs Limited	India	Hetero Labs Limited	India
221	Avonza	Tenofovir disoprosil fumarat 300mg; Lamivudin 300mg; Efavirenz 400mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ x 30 viên	NSX	24 tháng	VN3-73-18	04/07/2018	Mi Pharma Private Limited	India	Mylan Laboratories Limited	India
222	Lamivudine and Zidovudine Disperible Tablets 30mg/60mg	Lamivudin 30mg; Zidovudin 60mg	Viên nén phân tán	Hộp 1 lọ x 60 viên	NSX	60 tháng	VN3-74-18	04/07/2018	Mi Pharma Private Limited	India	Mylan Laboratories Limited	India
223	Xarelto	Rivaroxaban 2,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi x 14 viên	NSX	36 tháng	VN3-75-18	04/07/2018	Bayer (South East Asia) Pte, Ltd.	Singapore	Bayer Pharma AG	Germany
224	Twynsta (Đóng gói & xuất xưởng: Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co.KG- đ/c: Binger str. 173 55216 Ingelheim am Rhein, Germany)	Mỗi viên chứa: Telmisartan 80mg; Amlodipin (dưới dạng amlodipin besilat) 10mg;	Viên nén	Hộp 14 vi x 7 viên	NSX	36 tháng	VN3-76-18	04/07/2018	Boehringer Ingelheim International GmbH	Germany	Cipla Ltd.	India
225	Furic-80	Febuxostat 80mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi x 10 viên	NSX	24 tháng	VN3-77-18	04/07/2018	Công ty TNHH Y tế Cánh Cửa Việt	Việt Nam	Lupin Ltd.	India

STT	Tên thuốc	Hoạt chất	Bào chế	Đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ	Số ĐK	Năm cấp	Công ty đăng ký	Nước ĐK	Nhà sản xuất	Nước SX
226	Jasugrel (Đóng gói và xuất xưởng: Lilly, S.A., địa chỉ: Avda. de la Industria 30, 28108 Alcobendas, Madrid Spain)	Prasugrel (dưới dạng prasugrel hydroclorid) 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 14 viên	NSX	24 tháng	VN3-78-18	04/07/2018	Daiichi Sankyo Co., Ltd.	Japan	Eli Lilly & Company	USA
227	Sustinex-30	Dapoxetine (dưới dạng Dapoxetine HCl) 30mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 6 viên	NSX	24 tháng	VN3-79-18	04/07/2018	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	India	Emcure Pharmaceuticals Ltd.	India
228	Aritero 30	Aripiprazole 30mg	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	NSX	24 tháng	VN3-80-18	04/07/2018	Hetero Labs Limited	India	Hetero Labs Limited	India
229	Voriole 50	Voriconazol 50mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi x 10 viên	NSX	24 tháng	VN3-81-18	04/07/2018	Mi Pharma Private Limited	India	MSN Laboratories Limited	India
230	Abilify tablets 15mg	Aripiprazol 15mg	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	NSX	36 tháng	VN3-82-18	04/07/2018	Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.	Japan	Korea Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea